

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Thái Kim Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*
Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: H, D E, Đức

- *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị V**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp C, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) ông Đỗ Văn T trình bày:*

Năm 2023, ông và bà Vũ Thị V quen biết, tìm hiểu nhau. Quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/10/2023.

Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu

thuần ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, ông hiện đang sinh sống và làm việc tại Đức, bà V đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với bà Vũ Thị V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Vũ Thị V trình bày Bản tự khai ngày 12/5/2025*: Năm 2022, bà và ông T quen biết qua người thân giới thiệu, quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/10/2023. Sau khi kết hôn, ông T sống cùng bà tại P khoảng 02 tháng thì trở về Đ. Bà vẫn ở Việt Nam học tiếng Đức để chờ ngày sang Đức đoàn tụ cùng chồng. Vợ chồng vẫn giữ liên lạc qua điện thoại nhưng đến tháng 10/2024 ông bà phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp và khác biệt về văn hóa nên không còn liên lạc từ tháng 12/2024 đến nay. Bà xác định giữa bà ông Đỗ Văn T không còn tình cảm vợ chồng nên không thể đoàn tụ. Hiện nay bà đang làm việc và cư trú lâu dài tại Việt Nam nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông Đỗ Văn T. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đỗ Văn T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Văn T, bị đơn bà Vũ Thị V đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V.

[2]. Về nội dung: Ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V tự quen biết, tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố P vào ngày 23/10/2023 nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V tính tình không hợp nhau, khoảng cách địa lý nên ông bà đã có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được từ cuối năm 2024 đến nay. Hiện tại ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, ông T cư trú làm việc lâu dài tại Đức, bà V sống tại Việt Nam nên ông bà thống nhất ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn T được ly hôn với bà Vũ Thị V.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.
3. Án phí: Ông Đỗ Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0013444 ngày 18/3/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.
4. Quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Bà Vũ Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND TP. Phú Quốc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương